

Số: 04/2023/QĐST- DS

G, ngày 13 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05/4/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST- DS ngày 16/12/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành (đối với đương sự có mặt) và kể từ ngày người đại diện theo uỷ quyền còn lại của nguyên đơn là ông Vũ Văn X nhận được biên bản hoà giải thành. Đương sự có mặt không có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận; Ông Vũ Văn X không có ý kiến phản đối về sự thoả thuận của các đương sự có mặt và có ý kiến đồng ý về các nội dung thoả thuận của đương sự có mặt bằng văn bản.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979. HKTT: Khu Ph, phường V1, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Và anh Trần Tuấn L, sinh năm 1999. HKTT: Khu 2, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Văn bản uỷ quyền lập ngày 03/4/2023 tại Văn phòng Công chứng Đỗ Xuân H- tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B1, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng chẵn).

2. 2. Về thời hạn trả nợ:

- Ngày 01/6/2023 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn)

- Ngày 01/12/2023 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn).

- Ngày 01/4/2024 ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn).

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào trên đây thì bà Nguyễn Thị Đ có quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn lại của số nợ chưa thanh toán. Và bà Nguyễn Thị Đ có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ khoản tiền ông T, bà Ch còn nợ theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí hòa giải thành: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ch tự nguyện chịu 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện và tỉnh;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị H